

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **98/2019/DS-ST**
Ngày: 03/07/2019.
V/v tranh chấp: hợp đồng góp
hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bé
2. Ông Trần Văn Nghiệm

Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Quý - Kiểm sát viên

Trong ngày 03 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2018/TLST-DS ngày 14/12/2018 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST-DS ngày 13/05/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-DS ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: LÊ THỊ MỸ V – sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

2. Bị đơn: TRẦN THỊ A – sinh năm 1955;

TRẦN THỊ KIM X - sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang;

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ V trình bày: bà có tham gia 2 dây hụi do bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X làm chủ:

Dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 05/6/2017, gồm 16 phần, bà tham gia 02 phần, hội mãi vào ngày 05/8/2018, bà đóng được 12 kỳ với số tiền là 36.000.000 đồng. Dây hội 2.000.000 đồng/tháng khai ngày 05/10/2017, gồm 16 phần, bà tham gia 02 phần, hội mãi vào ngày 05/1/2019, bà đóng được 07 kỳ với số tiền là 21.000.000 đồng. Đến tháng 4/2018 thì bà A, chị X tuyên bố bế hội. Sau khi bế hội bà nhiều lần yêu cầu bà A, chị X trả lại tiền hội mà bà đã đóng nhưng bà A, chị X không thực hiện. Ngày 01/9/2018 Ban hòa giải ấp B tổ chức hòa giải, giải quyết tranh chấp hội giữa các hội viên với bà A, chị X. Tại buổi hòa giải bà A, chị X thừa nhận có nợ bà số tiền 57.000.000 đồng nhưng xin trả trong thời hạn 02 tháng. Tuy nhiên đến nay bà A, chị X vẫn không thực hiện. Nay bà yêu cầu bà Trần Thị A, chị Trần Thị Kim X liên đới trả cho chị số tiền 57.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà A, chị X nhưng bà A, chị X không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà V.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ V yêu cầu bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X liên đới trả lại số tiền hội là 57.000.000 đồng, ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X vắng mặt

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ V, buộc bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X có trách nhiệm liên đới trả lại bà Lê Thị Mỹ V số tiền hội là 57.000.000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng góp hội.

[1] Xét bị đơn bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà A, chị X vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà A, chị X.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ V là có cơ sở: vì bà Lê Thị Mỹ V có tham gia 02 dây hội do bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X làm chủ loại hội 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 05/6/2017 và ngày 05/10/2017. Sau khi tham gia bà V đóng được 12 kỳ hội sống của dây hội ngày 05/6/2017 với số tiền là 36.000.000 đồng, và 07 kỳ hội sống của dây hội ngày 05/10/2017 với số tiền là 21.000.000 đồng. Đến tháng 4/2018 bà A, chị X tuyên bố bế hội, nhưng không trả tiền lại cho bà V. Để chứng minh cho yêu cầu

khởi kiện của mình bà V cung cấp biên bản hòa giải ngày 01/9/2018 của tổ hòa giải ấp B, xã B, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B. Trong biên bản hòa giải này phía bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X xác định còn nợ bà V số tiền là 57.000.000 đồng. Tuy trong biên bản hòa giải này không có chữ ký của bà A và chị X nhưng qua xác minh ông Nguyễn Văn Tám - Trưởng ấp xã B, ông Nguyễn Văn Hùng - Trưởng ban công tác mặt trận ấp B, ông Võ Thành V - Phó Trưởng ấp xã B, là những người tiến hành hòa giải tranh chấp hội giữa các hội viên trong đó có bà V với bà A, chị X ngày 01/9/2018, đều xác định tại buổi hòa giải có mặt bà A, chị X và bà A, chị X xác định còn nợ bà V số tiền 57.000.000 đồng. Buổi hòa giải đến 12 giờ 30 phút các bên đối tụng nên xin nghỉ và thống nhất 8 giờ ngày 04/9/2018 sẽ tiếp tục tiến hành hòa giải tiếp. Đến 8 giờ 30 phút ngày 04/9/2018 tiếp tục hòa giải nhưng bà A, chị X không có mặt nên không ký tên vào biên bản hòa giải ngày 01/9/2018. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà V với bà A, chị X đã xác lập hợp đồng góp hội theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015, hiện các dây hội này đã bể nhưng bà A, chị X vẫn không trả tiền hội lại cho bà V, nên bà A, chị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc bà A, chị X trả cho bà V số tiền 57.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời gian trả: bà V yêu cầu trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì số tiền này bà A, chị X để kéo dài không trả cho bà V đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà V, nên cần buộc bà A, chị X trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều Điều 175, 179, 227, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 471 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng Điều 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu phùng
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mỹ V

Buộc bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị Mỹ V số tiền hội là **57.000.000** đồng (năm mươi bảy triệu đồng), ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bà Trần Thị A và chị Trần Thị Kim X phải chịu **2.850.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Mỹ V **1.425.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo biên lai số 39907 ngày 06/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh